

Số :2310/VFM.2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF**
- Mã ccq/Code: **E1FVN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **10/23/2017**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	580	0.93%
2	BMP	140	0.82%
3	BVH	230	0.94%
4	CII	630	1.57%
5	CTD	110	1.76%
6	CTG	1,270	1.84%
7	DHG	160	1.36%
8	DPM	530	0.87%
9	FPT	1,450	5.44%
10	GAS	330	1.74%
11	GMD	520	1.64%
12	HPG	3,110	8.69%
13	HSG	720	1.46%
14	KBC	1,210	1.20%
15	KDC	420	1.21%
16	MBB	3,380	5.67%
17	MSN	1,750	7.37%
18	MWG	680	6.47%
19	NT2	300	0.63%
20	NVL	700	3.25%
21	PVD	660	0.73%
22	REE	640	1.65%
23	ROS	400	4.21%
24	SAB	330	6.64%
25	SBT	520	0.83%
26	SSI	1,090	1.98%
27	STB	4,930	4.25%
28	VCB	1,230	3.74%
29	VIC	2,860	11.79%

30	VNM	790	8.75%
- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value			
+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)			1,333,277,000
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND)			1,340,926,131
- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND)			7,649,131
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:			
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:		Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component	
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:		Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại	
		Receive cash component after subtracting tax and redemption fee	

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
BVH	60,500	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 10/23/2017	Kỳ trước/Last period 10/20/2017	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	24	10	14
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	86,800,000	84,400,000	2,400,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	13,350	13,400	-50
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	1,118,332,393,021	1,108,774,821,744	9,557,571,277
của một lô ETF/per Creation Unit	1,340,926,131	1,345,600,512	-4,674,381
của một chứng chỉ quỹ/per Share	13,409.26	13,456.00	-46.74
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	864.96	869.91	-4.95

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM



Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc/CEO